MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ 2

**MÔN: CÔNG NGHỆ 11 – CÔNG NGHỆ CHĂN NUÔI THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | |  | | **Tổng** | | | **%**  **tổng điểm** |
| **Nhận biết** | | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | | **Số CH** | | **Thời gian**  **(phút)** |
| **Số**  **CH** | **Thời gian**  **(phút)** | | **Số**  **CH** | **Thời gian**  **(phút)** | **Số**  **CH** | **Thời gian**  **(phút)** | **Số**  **CH** | **Thời gian**  **(phút)** | **TN** | **TL** |
| 1 | **Công nghệ thức ăn chăn nuôi** | Chế biến và bảo quản thức ăn chăn nuôi. | **3** | **2,25** | | **2** | **3,0** |  |  |  |  | **5** | **0** | 5,25 | 12,5 |
| **2** | **Phòng, trị bệnh cho vật nuôi** | Vai trò của phòng, trị bệnh trong chăn nuôi. | 3 | 2,25 | | 2 | 3,0 |  |  |  |  | 5 | 0 | 5,25 | 12,5 |
| Một số bệnh phổ biến trong chăn nuôi (đặc điểm, nguyên nhân và biện pháp phòng, trị). | 8 | 6,0 | | 7 | 10,5 | 1 | 10 |  |  | 15 | 1 | 26,5 | 57,5 |
|  |  | Một số ứng dụng của công nghệ sinh học trong phòng, trị bệnh cho vật nuôi. | 2 | 1,5 |  | 1 | 1,5 |  |  | 1 | 5 | 3 | 1 | 8 | 17,5 |
| **Tổng** | |  | **16** | **12** |  | **12** | **18** | **1** | **10** | **1** | **5** | **28** | **2** | **45** | **100** |
| **Tỉ lệ (%)** | |  |  | **40** |  |  | **30** |  | **20** |  | **10** |  |  |  |  |
| **Tỉ lệ chung %)** | |  |  |  | **70** | |  |  |  | **30** |  |  |  |  |  |

**Lưu ý:**

* Các câu hỏi ở mức độ nhận biết và thông hiểu là các câu hỏi trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn, trong đó có duy nhất 1 lựa chọn đúng.
* Các câu hỏi ở mức độ vận dụng và vận dụng cao là các câu hỏi tự luận.
* Số điểm tính cho 1 câu trắc nghiệm là 0,25 điểm/câu; số điểm của câu tự luận được quy định trong hướng dẫn chấm nhưng phải tương ứng với tỉ lệ điểm được quy định trong ma trận.
* Trong mỗi đơn vị kiến thức chỉ nên ra một câu mức độ vận dụng hoặc mức độ vận dụng cao.

BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ 2

###### MÔN: CÔNG NGHỆ 11– CÔNG NGHỆ CHĂN NUÔI THỜI GIAN LÀM BÀI: 45phút

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận**  **dụng** | **Vận dụng cao** |
| 1 | **Công nghệ thức ăn chăn nuôi** | Chế biến và bảo quản thức ăn chăn nuôi. | **Nhận biết:**  - Kể tên được các nguyên liệu thường dùng để sản xuất thức ăn chăn nuôi.  - Kể tên được một số phương pháp chế biến thức ăn chăn nuôi phổ biến.  - Nêu được ưu nhược điểm của các phương pháp chế biến thức ăn chăn nuôi phổ biến.  - Kể tên được một số phương pháp bảo quản thức ăn chăn nuôi.  - Nêu được ưu nhược điểm của các phương pháp bảo quản thức ăn chăn nuôi.  **Thông hiểu:**  - Tóm tắt được một số phương pháp chế biến thức ăn chăn nuôi phổ biến.  - So sánh được ưu nhược điểm của các phương pháp chế biến thức ăn chăn nuôi phổ biến.  - So sánh được ưu nhược điểm của các phương pháp bảo quản thức ăn chăn nuôi phổ biến.  - Trình bày được ứng dụng của công nghệ cao trong chế biến thức ăn chăn nuôi.  - Lựa chọn được nguyên liệu phù hợp để chế biến thức ăn cho một loại vật nuôi cụ thể.  - Lựa chọn được phương pháp phù hợp để chế biến thức ăn cho các đối tương vật nuôi khác nhau. Vận dụng:  - Đề xuất được phương pháp chế biến thức ăn chăn nuôi phù hợp với điều kiện thực tiễn của gia đình, địa phương.  - Đề xuất được phương pháp bảo quản thức ăn chăn nuôi phù hợp với điều kiện thực tiễn của gia đình, địa phương. - Chế biến được một loại thức ăn vật nuôi phù hợp với thực tiễn của gia đình, địa phương.  - Bảo quản được một số loại thức ăn vật nuôi phù hợp với thực tiễn của gia đình, địa phương. | **3** | **2** |  |  |
| 2 | **Phòng trị bệnh cho vật nuôi** | Vai trò của phòng, trị bệnh trong chăn nuôi. | **Nhận biết:**   * Trình bày được khái niệm, tác hại của bệnh trong chăn nuôi. * Kể tên được một số loại bệnh phổ biến ở vật nuôi. * Kể tên được các biện pháp phòng, trị bệnh phổ biến trong chăn nuôi. | 3 | 2 |  |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  | * Nêu được ý nghĩa của phòng, trị bệnh trong chăn nuôi. **Thông hiểu:** * Phân tích được tác hại của bệnh trong chăn nuôi. * Giải thích được ý nghĩa của phòng, trị bệnh trong chăn nuôi. * Phân biệt được phòng bệnh và trị bệnh. * Nêu được vai trò của phòng trị bệnh với thực tiễn chăn nuôi ở gia đình và địa phương. |  |  |  |  |
| Một số bệnh phổ biến trong chăn nuôi (đặc điểm, nguyên nhân và biện pháp phòng, trị). | **Nhận biết:**   * Kể tên được một số bệnh phổ biến trên gia cầm. * Kể tên được một số bệnh phổ biến trên gia súc (lợn, trâu, bò và các gia súc khác). * Mô tả được đặc điểm một số bệnh phổ biến trên gia cầm. * Mô tả được đặc điểm một số bệnh phổ biến trên gia súc. - Nêu được nguyên nhân gây ra một số bệnh phổ biến trên gia cầm. * Nêu được nguyên nhân gây ra một số bệnh phổ biến trên gia súc. * Kể tên một số biện pháp phòng, trị một số bệnh phổ biến trong chăn nuôi. * Nêu được ưu nhược điểm của các biện pháp phòng, trị một số bệnh phổ biến trong chăn nuôi.   **Thông hiểu:** | 8 | 7 | 1 |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  | - Phân biệt được các đặc điểm cơ bản của một số bệnh phổ biến trên gia cầm.  - Phân biệt được các đặc điểm cơ bản của một số bệnh phổ biến trên gia súc.  - Phân tích được nguyên nhân gây ra một số bệnh phổ biến trên gia cầm.  - Phân tích được nguyên nhân gây ra một số bệnh phổ biến trên gia súc.  - Tóm tắt được một số biện pháp phòng, trị một số bệnh phổ biến trong chăn nuôi.  - Phân biệt được các biện pháp phòng, trị bệnh phổ biến trong chăn nuôi.  - Phân tích được ưu nhược điểm của các biện pháp phòng, trị một số bệnh phổ biến trong chăn nuôi.  - Lựa chọn được biện pháp phòng trị bệnh phù hợp cho một số đối tượng vật nuôi phổ biến.  **Vận dụng**  - Lựa chọn được biện pháp phòng trị bệnh phù hợp cho một số đối tượng vật nuôi phổ biến ở gia đình, địa phương.  **Vận dụng cao**  - Đề xuất được biện pháp phòng trị bệnh phù hợp với thực tiễn chăn nuôi của gia đình, địa phương (đảm bảo an toàn cho người, vật nuôi và môi trường). |  |  |  |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  | Một số ứng dụng của công nghệ sinh học trong phòng, trị bệnh cho vật nuôi. | **Nhận biết:**  - Kể tên được một số ứng dụng công nghệ sinh học trong phòng, trị bệnh vật nuôi.  - Nêu được ưu điểm của việc ứng dụng công nghệ sinh học trong phòng, trị bệnh cho vật nuôi.  - Nêu được ý nghĩa của việc ứng dụng công nghệ sinh học trong phòng, trị bệnh cho vật nuôi.  - Nêu được một số thành tựu của ứng dụng công nghệ sinh học trong phòng, trị bệnh cho vật nuôi.  **Thông hiểu:**  - Phân tích được ý nghĩa của việc ứng dụng công nghệ sinh học trong phòng, trị bệnh cho vật nuôi.  - Phân tích được ý nghĩa của việc ứng dụng công nghệ sinh học trong phòng, trị bệnh cho vật nuôi.  - Lựa chọn được biện pháp công nghệ sinh học phù hợp trong phòng, trị một số bệnh phổ biến trong chăn nuôi.  **Vận dụng**  Lựa chọn được biện pháp công nghệ sinh học phù hợp trong phòng, trị một số bệnh phù hợp với thực tiễn chăn nuôi ở gia đình, địa phương.  **Vận dụng cao**  - Đề xuất được biện pháp công nghệ sinh học trong phòng trị bệnh phù hợp với thực tiễn chăn nuôi của gia đình, địa phương. | 2 | 1 |  | 1 |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Tổng số câu** |  | **16** | **12** | **2** |  |

**Lưu ý:**

* Các câu hỏi ở cấp độ nhận biết và thông hiểu là các câu hỏi trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn, trong đó có duy nhất 1 lựa chọn đúng.
* Các câu hỏi ở cấp độ vận dụng và vận dụng cao là các câu hỏi tự luận.
* Số điểm tính cho 1 câu trắc nghiệm là 0.25 điểm, cho mỗi câu tự luận được quy định rõ trong đáp án và hướng dẫn chấm. **-** Mỗi nội dung chỉ nên ra 1 câu hỏi vận dụng hoặc vận dụng cao.
* Với câu hỏi ở mức độ nhận biết và thông hiểu thì mỗi câu hỏi cần được ra ở một chỉ báo của mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá tương ứng (1 gạch đầu dòng thuộc mức độ đó).

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II**

**MÔN CÔNG NGHỆ CHĂN NUÔI LỚP 11**

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (7,0 ĐIỂM)**

**Câu 1. Công nghệ được sử dụng để bảo quản thức ăn chăn nuôi là:**

A. Công nghệ bảo quản trong điệu kiện khí quyển biến đổi

B. Công nghệ lạnh đông làm sống tế bảo

C. Công nghệ bảo quản lạnh

D. Công nghệ bảo quản trong điệu kiện khí quyển được kiểm soát

**Câu 2. Trong chế biến thức ăn chăn nuôi, công nghệ sử dụng: protease, ligninase, phytase, nhóm enzyme phân giải xơ là công nghệ:**

A. Công nghệ enzyme

B. Công nghệ lên men

C. Công nghệ sấy thăng hoa

D. Công nghệ tế bào

**Câu 3. Bảo quản thức ăn chăn nuôi bằng silo có ưu điểm:**

A. Bảo quản được số lượng ít, trong thời gian ngắn

B. Khó tự động hóa trong quá trình nhập, xuất nguyên liệu

C. Tăng chi phí lao động

D. Ngăn chặn sự phá hoại của các động vật gặm nhấm, côn trùng

**Câu 4. Các nhóm bệnh chính ở vật nuôi là:**

A. Bệnh nội khoa, bệnh truyền nhiễm

B. Bệnh nội khoa, bệnh sinh sản, bệnh kí sinh trùng, bệnh truyền nhiễm, các bệnh khác

C. Bệnh sinh sản, bệnh kí sinh trùng, bệnh truyền nhiễm

D. Bệnh kí sinh trùng, bệnh truyền nhiễm, bệnh nội khoa

**Câu 5. Ý nào không phải là vai trò của phòng, trị bệnh trong chăn nuôi**

A. Vai trò kinh tế

B. Vai trò đối với sức khỏe cộng đồng

C. Vai trò lai tạo giống

D. Vai trò về bảo vệ môi trường

**Câu 6. Tác hại của bệnh trong chăn nuôi:**

A. Tăng sức đề kháng cho vật nuôi

B. Tăng năng suất chăn nuôi

C. Cung cấp nguồn thực phẩm an toàn cho con người

D. Ảnh hưởng xấu đến sức khỏe con vật và năng suất chăn nuôi

**Câu 7**: Đâu là biểu hiện điển hình của bệnh dịch tả lợn cổ điển:

A. Sốt cao, bỏ ăn, trên da có nhiều nốt xuất huyết đỏ như muỗi đốt, cơ quan nội tạng xuất huyết lấm chấm như đinh ghim

B. Sốt cao kèm tiêu chảy, cơ quan nội tạng xuất huyết đỏ như muỗi đốt

C. Sốt cao, bỏ ăn, uống nhiều nước, mũi khô

D. Trên da có nhiều nốt xuất huyết đỏ như muỗi đốt, bỏ ăn.

**Câu 8**: Đâu là nguyên nhân gây ra bênh dịch tả lợn:

A. Vi khuẩn

B. RNA virus

C. Vi khuẩn và virus

D. Do mầm bênh trong môi trường

**Câu 9**: Đâu là biểu hiện điển hình của bệnh đóng dấu lợn:

A. Sốt cao, bỏ ăn; sưng khớp gối; trên da có dấu hình vuông, tròn, màu đỏ; nội tạng sung, màu đỏ

B. Sốt cao, bỏ ăn, trên da có dấu màu đỏ hình vuông.

C. Cơ quan nội tạng sưng đỏ, bỏ ăn

D. Sốt cao, bỏ ăn, sưng khớp.

**Câu 10**: Đâu là nguyên nhân gây ra bênh đóng dấu lợn:

A. Vi khuẩn Gram dương

B. RNA virus

C. Vi khuẩn và virus

D. Do mầm bênh trong môi trường

**Câu 11**: Đâu là nguyên nhân gây ra bênh giun đũa lợn:

A. Vi khuẩn Gram dương

B. RNA virus

C. Giun đũa lợn

D. Giun đốt.

**Câu 12**: Đâu là nguyên nhân gây ra bênh cúm gia cầm:

A. Vi khuẩn Gram dương

B. Vi rút cúm nhóm A

C. Vi khuẩn và virus

D. Do mầm bênh trong môi trường

**Câu 13**: Bệnh nào sau đây **không** **phải** là bệnh phổ biến ở trâu bò?

A. Bệnh tụ huyết trùng trâu bò.

B. Bệnh tiên mao trùng.

C. Bệnh viêm vú.

D. Bệnh phân trắng.

**Câu 14**: Nguyên nhân gây bệnh tụ huyết trùng ở trâu bò là do

A. vi khuẩn Gram âm *Pasteurella.*

B. vi khuẩn Gram dương *Pasteurella.*

C. tiên mao trùng *Trypanosoma evansi*

D. RNA virus.

**Câu 15**: Chẩn đoán di truyền là:

A. Các xét nghiệm nhằm phân tích các gen đột biến, gen gây bệnh và xác định nguy cơ rối loạn trong di truyền.

B. Khảo sát các đột biến liên quan nhằm giúp xác định nguyên nhân gây bệnh.

C. Sử dụng các xét nghiệm dựa trên chỉ thị phân tử nucleic acid, đoạn gene hay bộ gene hoàn chỉnh của VSV để chẩn đoán bệnh.

D. Phương pháp nhằm xác định thông tin liên quan đến ADN và các nhiễm sắc thể trong cơ thể vật nuôi thông qua việc phân tích gen.

**Câu 16**: Cho các nhận định sau:

1. Cho kết quả nhanh

2. Thiết bị đắt tiền, phức tạp

3. Độ nhạy cao

4. Độ chính xác cao

5. Quy trình kĩ thuật phức tạp.

Đâu là ưu điểm của phương pháp PCR trong chẩn đoán bệnh vật nuôi?

A. (1), (2), (3).

B. (1), (3), (4).

C. (3), (4), (5).

D. (2), (4), (5).

**Câu 17:** Đâu **không** phải thức ăn thuộc nhóm carbohydrate?

A. Hạt ngũ cốc

B. Phụ phẩm xay xát

C. Các loài ốc, tôm tép

D. Các loại củ (sắn, khoai lang)

**Câu 18:** Cám đậu xanh thuộc loại thức ăn nào sau đây?

A. Thức ăn protein động vật

B. Thức ăn protein thực vật

C. Thức ăn protein có nguồn gốc từ vi sinh vật

D. Thức ăn nhóm carbohydrate

**Câu 19 :** Đâu **không** phải vai trò của phòng, trị bệnh cho vật nuôi trong chăn nuôi?

A. Về khoa học: đóng góp những tri thức và kinh nghiệm quý báu cho nghiên cứu về chăn nuôi.

B. Về kinh tế: giảm chi phí trị bệnh và chống dịch, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và hiệu quả chăn nuôi.

C. Đối với sức khoẻ cộng đồng: cung cấp thực phẩm đảm bảo dinh dưỡng và an toàn; ngăn ngừa bệnh lây từ động vật sang người.

D. Về bảo vệ môi trường: giảm nguy cơ tồn tại, phát tán mầm bệnh, giảm sử dụng các biện pháp chống dịch; tăng hiệu quả sử dụng thức ăn và rút ngắn thời gian nuôi.

**Câu 20:** “Tăng sức đề kháng của vật nuôi” là tác dụng của việc phòng, trị bệnh cho vật nuôi ở:

A. Vai trò về khoa học

B. Vai trò đối với sức khoẻ cộng đồng

C. Vai trò về bảo vệ môi trường

D. Vai trò về kinh tế

**Câu 21:** Virus gây bệnh dịch tả lợn cổ điển là loại:

A. RNA virus, thuộc chi furovirus, họ Rubivirata

B. RNA virus, thuộc chi tombusvirus, họ Camaviridae

C. RNA virus, thuộc chi Comovirus, họ Picornavirata

D. RNA virus, thuộc chi Pestivirus, họ Flaviviridae

**Câu 22:** Đâu **không** phải một biện pháp đúng để phòng bệnh dịch tả lợn cổ điển?

A. Hạn chế người rạ vào khu chăn nuôi

B. Cách li 100 ngày với lợn mới nhập về

C. Chú ý giữ gìn vệ sinh

D. Để trống chuồng 2 tuẫn giữa các lứa nuôi

**Câu 23:** Câu nào sau đây đúng về bệnh cúm gia cầm?

A. Các loài gia cầm trước 6 tháng tuổi dễ mắc bệnh nhất, chết nhanh và với tỉ lệ chết rất cao 90 - 100%

B. Các loài gia cầm trước 6 tháng tuổi dễ mắc bệnh nhất, lâu chết và tỉ lệ chết thấp (dưới 50%), những con còn sống thường còi cọc

C. Các loài gia cầm ở mọi lứa tuổi đều có thể bị bệnh, chết nhanh và với tỉ lệ chết rất cao 90 - 100%

D. Các loài gia cầm ở mọi lứa tuổi đều có thể bị bệnh, lâu chết và tỉ lệ chết thấp (dưới 50%), những con còn sống thường còi cọc

**Câu 24:** Đâu **không** phải biểu hiện đặc trưng của bệnh cúm gia cầm?

A. Thời gian ủ bệnh từ vài giờ đến vài ngày.

B. Con vật sốt cao, mệt mỏi, ủ rũ, đi loạng choạng, quay cuồng, khó thở, chảy nước mắt, nước mũi.

C. Qua thời gian ủ bệnh, từ 1 đến 3 ngày sau thì con vật chết do suy hô hấp và ngạt thở.

D. Mào hết nước, thâm tím.

**Câu 25:** Đặc điểm nổi bật của bệnh tụ huyết trùng trâu bò là gì?

A. Gây tụ huyết ở trong tim, khó nhận biết

B. Gây tụ huyết, xuất huyết ở những vùng nhất định trên cơ thể

C. Gây xuất huyết ở mọi bộ phân trên cơ thể

D. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 26:** Câu nào sau đây là đúng về các biện pháp phòng và trị bệnh tiên mao trùng?

A. Đảm bảo vệ sinh chuồng trại và bãi chăn thả, phát quang bụi rậm và định kì phun thuốc diệt côn trùng.

B. Ở những vùng thường xuyên xuất hiện bệnh thì có thể dùng thuốc đặc trị tiêm phòng cho gia súc vào mùa phát bệnh.

C. Con vật mắc bệnh cần được cách li, điều trị kịp thời bằng thuốc đặc trị theo chỉ dẫn của bác sĩ thú y.

D. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 27:** Vì sao phòng, trị bệnh hiệu quả cho vật nuôi có ý nghĩa lớn trong việc bảo vệ môi trường?

A. Vì phòng, trị bệnh hiệu quả cho vật nuôi sẽ giúp giảm nguy cơ tồn tại, lây lan và phát tán mầm bệnh

B. Vì phòng, trị bệnh hiệu quả cho vật nuôi giúp giảm sử dụng các biện pháp chống dịch tiềm ẩn nguy cơ gây ảnh hưởng xấu đến môi trường, ví dụ như: khử trùng chuồng trại bằng hoá chất, xử lí chất thải và xác động vật bằng cách chôn, đốt,...

C. Vì khi được phòng, trị bệnh hiệu quả, vật nuôi sẽ sinh trưởng tốt, tăng hiệu quả sử dụng thức ăn, rút ngắn thời gian nuôi cũng góp phần bảo vệ môi trường

D. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 28:** Đâu **không**phải một ứng dụng công nghệ sinh học trong phòng, trị bệnh cho vật nuôi?

A. Ứng dụng công nghệ chẩn đoán di truyền trong chẩn đoán bệnh cho vật nuôi

B. Ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất vaccine phòng bệnh cho vật nuôi

C. Ứng dụng công nghệ lên men liên tục trong sản xuất kháng sinh điều trị bệnh cho vật nuôi

D. Ứng dụng công nghệ acid sulfuric xúc tác trong loại bỏ virus có hại

**II. TỰ LUẬN ( 3,0 ĐIỂM)**

**Câu 1 (2,0 điểm):** Giả sử em thấy đàn gà nhà mình có các biểu hiện sau: một số con gà mệt mỏi, ủ rũ, xù lông, sã cánh, mắt lờ đờ hoặc nhắm nghiền; trên nền chuồng có rải rác một vài bãi phân gà có lẫn máu.

1. Hãy cho biết loại bệnh mà gà nhà em đã mắc là bệnh gì? Nguyên nhân gây bệnh?

2. Em sẽ làm gì để khắc phục tình trạng này?

**Câu 2 (1,0 điểm):** Ở địa phương em, người dân đã lựa chọn được biện pháp công nghệ sinh học nào trong phòng bệnh cho vật nuôi phù hợp với thực tiễn chăn nuôi. Hãy cho biết một số lợi ích đem lại cho ngành chăn nuôi từ biện pháp đó.

-----------------------------------Hết------------------------------

# **ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 2**

**MÔN CÔNG NGHỆ CHĂN NUÔI LỚP 11**

**PHẦN TRẮC NGHIỆM (7 điểm)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu hỏi** | Đáp án |  | **Câu hỏi** | Đáp án |  | **Câu hỏi** | Đáp án |  | **Câu hỏi** | Đáp án |
| **1** | C | **8** | B | **15** | C | **22** | A |
| **2** | A | **9** | A | **16** | B | **23** | C |
| **3** | D | **10** | A | **17** | C | **24** | D |
| **4** | B | **11** | C | **18** | D | **25** | B |
| **5** | C | **12** | B | **19** | A | **26** | D |
| **6** | D | **13** | D | **20** | D | **27** | D |
| **7** | A | **14** | A | **21** | D | **28** | D |

**II. TỰ LUẬN**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **1**  **( 2,0 điểm)** | **1. Loại bệnh: cầu trùng gà.**  **- Nguyên nhân gây bệnh: động vật nguyên sinh (trùng bào tử hình cầu)**  **2. Các biện pháp khắc phục**  - Tách gà bệnh ra khỏi đàn để tránh lây lan bệnh cho gà khỏe mạnh khác.  - Vệ sinh chuồng trại thường xuyên để loại bỏ bãi phân và các chất thải khác có thể là nguồn gốc của bệnh.  - Kiểm tra lại khẩu phần cho gà, đảm bảo chúng được cung cấp đầy đủ chất dinh dưỡng để tăng sức đề kháng và hạn chế tình trạng suy nhược cơ thể.  - Gặp bác sĩ thú y để được tư vấn về cách điều trị. | **0,5**  **0,5**  **0,25**  **0,25**  **0,25**  **0,25** |
| **2**  **( 1,0 điểm)** | **- Biện pháp lựa chọn: Tiêm phòng vaccine cho vật nuôi.**  Lợi ích:  - Tăng khă năng miễn dịch cho vật nuôi, vật nuôi có thể không bị mắc bệnh nếu đã tiêm vaccine đó do đó sẽ giảm thiểu chi phí dùng thuốc và kháng sinh, giảm thiểu tỷ lệ tử vong và bệnh tật.  - Tiêm phòng vaccine có thể giúp đảm bảo an toàn thực phẩm, giảm thiểu sử dụng hóa chất trong chăn nuôi. | **0,5**  **0,25**  **0,25** |